

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Minh

2. Bà Bùi Thị Nhàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Xuân C; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Lương Thị Thanh T; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 02 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh tại thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng

chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tích cách không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi đánh nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh và chị T tuy sống chung một nhà nhưng không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh không đồng ý rút đơn khởi kiện mà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị Thanh T.

Về con chung: Anh và chị Lương Thị Thanh T có một con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2020. Tại đơn khởi kiện anh có quan điểm nuôi con chung. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh thay đổi quan điểm và đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thanh N cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2023 bị đơn chị Lương Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như lời khai anh C đã trình bày. Quá trình chung sống chị và anh C có cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Chị không đồng ý ly hôn với anh C vì vợ chồng còn tình cảm và chị đề nghị anh C rút đơn ly hôn để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung như anh C trình bày. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thanh N cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Xuân C được ly hôn chị Lương Thị Thanh T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2020 cho chị Lương Thị Thanh T nuôi dưỡng. Về tài sản và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Xuân C khởi kiện ly hôn đối với chị Lương Thị Thanh T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lương Thanh Tâm hiện đang cư trú tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn chị Lương Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 **Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Lương Thị Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Anh Nguyễn Xuân C và chị Lương Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 02 năm 2019, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, vắng mặt tại phiên họp **và tại phiên tòa**. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Xuân C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân C và chị Lương Thị Thanh T có một con chung là Lương Thanh N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2020. Anh C và chị T đều có quan điểm, ly hôn giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Xét quan điểm của anh C và chị T về người nuôi con sau ly hôn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, giao con chung Nguyễn Thanh N cho chị T nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Xuân C và chị Lương Thị Thanh T đều có quan điểm không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản: Anh Nguyễn Xuân C và chị Lương Thị Thanh T đều có quan điểm không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, **khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân C được ly hôn chị Lương Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tâm trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Xuân C đã nộp theo Biên lai thu tiền số **0004412** ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã Đ;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên

